

Bản án số: 05/2018/LĐ-PT
Ngày: 03/01/2018
V/v Tranh chấp về tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang.

Bà Phan Thị Út.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 47/LĐPT ngày 01 tháng 8 năm 2017 về: “Tranh chấp về tiền lương”. Do bản án số 04/2017/LĐ-ST, ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Hữu T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2592/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6770/QĐ-PT ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Hữu T. Sinh năm 1971.

Địa chỉ: 26 đường B, phường N, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Hồ Nguyễn Llà Luật sư Công ty Luật N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 384/8B đường N, phường L, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty S.

Trụ sở: số 30, Đường G, Khu C, phường P, Thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W. Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Châu Kim H.

Địa chỉ: 284/9 đường T, phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Lê Hoàng C là Luật sư Công ty Luật T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 9, khu C, đường T, phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2016 và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Phan Hữu T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn ông Phan Hữu T đã ký hợp đồng lao động số 01-S-HĐ/2014 với Công ty S (gọi tắt Công ty) ngày 28/5/2014, thời hạn hợp đồng là 02 năm, hết hạn ngày 27/5/2016, chức danh Trưởng phòng kinh doanh, mức lương 37.980.000đ/tháng.

Ngày 14/5/2015 nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ việc và ngày 03/6/2015 bị đơn đồng ý cho nguyên đơn nghỉ việc nhưng không thanh toán số tiền lương còn thiếu từ ngày 19/4/2015 đến ngày 14/5/2015 là 30.599.000đ. Chính vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên và lãi suất do chậm thanh toán lương.

Trong bản tự khai ngày 13/7/2016 và trong các đơn phản tố ngày 13 tháng 7 và 16 tháng 12 năm 2016 bị đơn Công ty S có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty S có ký hợp đồng lao động với nguyên đơn ông Phan Hữu T như nguyên đơn đã trình bày, với mức lương (mới nhất) là 41.000.000đ. Ngày 14/5/2015 nguyên đơn tự ý nghỉ việc không có lý do chính đáng và cũng không báo trước cho bị đơn. Ngày 19/5/2015 bị đơn đã có thông báo với nguyên đơn về việc nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và phải bồi thường theo quy định của pháp luật và đề nghị nguyên đơn có ý kiến phản hồi trong 24 giờ, tuy nhiên nguyên đơn đã không phản hồi nên ngày 03/6/2015 bị đơn đã ban hành quyết định nghỉ việc cho nguyên đơn với lý do là “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật”.

Đến tháng 7 năm 2015 nguyên đơn đã cung cấp thông tin không đúng sự thật lên các báo chí gây thiệt hại về danh dự cho bị đơn. Chính vì vậy, bị đơn có yêu cầu phản tố để cản trở nghĩa vụ cụ thể:

a/ Khoản tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 0,5 tháng lương theo hợp đồng lao động, tức 41.000.000 đ x $\frac{1}{2}$ = 20.500.000 đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng);

b/ Khoản tiền bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước: 01 tháng lương theo hợp đồng lao động, tức 41.000.000 đ (Bốn mươi một triệu đồng);

c/ Khoản tiền tạm ứng (công tác phí trong tháng ông T đã nhận) là 2.248.900 đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng).

Tổng cộng là: 63.748.900 đ (Sáu mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng);

d/ Bồi thường tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu là 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

đ/ Xin lỗi và cải chính công khai trên các báo Bảo hiểm xã hội, Lao động và Người lao động, 03 số liên tiếp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa ngày 25/5/2017: Như trong quá trình tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như trong quá trình tố tụng và trình bày thêm: Hiện tại nếu vào google hoặc các trình duyệt tìm kiếm khác về Công ty S thì sự việc mà ông T đã trình bày sai sự thật như cài bẫy, sa thải người lao động hiện lên rất nhiều, gây cho người đọc hiểu lầm Công ty S là doanh nghiệp không tôn trọng pháp luật, lừa dối người lao động, làm cho danh dự, uy tín của Công ty S bị xâm hại nghiêm trọng, mức độ lan truyền thông tin trên mạng đã rộng lớn. Do đó, đề nghị của Công ty S về bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần và xin lỗi công khai là đúng pháp luật và rất cần thiết nhằm phục hồi uy tín cho Công ty S.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 31, điểm d Khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;

Căn cứ Điều 235 và điểm c Khoản 1 Điều 259, Khoản 2 Điều 299, điểm e Khoản 1 Điều 217, Khoản 4 Điều 60 và Khoản 1 Điều 176 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 43, Khoản 2 Điều 47, Điều 96, Khoản 1 Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số nội dung của bộ luật Lao động;

Căn cứ Khoản 3 Điều 150, Khoản 1 Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 4 Điều 10 và Khoản 1 Điều 28 Luật báo chí năm 1989 đã được sửa đổi bổ sung năm 1999;

Căn cứ Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 về quy định lãi suất với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng và khoản Điều 1 Quyết định 2173/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.

Căn cứ điểm c tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 11, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009);

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu T, buộc Công ty S phải thanh toán tiền lương tháng 5 năm 2015 là 30.599.452 đ (Ba mươi triệu năm trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng) và số tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương là 3.605.533 đ (Ba triệu sáu trăm lẻ năm ngàn năm trăm ba mươi ba đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Phan Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, gửi cơ quan thi hành án, nếu Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn phải trả cho ông Phan Hữu T số tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng giữa thời gian và khoảng tiền chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty S về việc yêu cầu ông Phan Hữu T phải bồi thường nửa tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 20.500.000 đ (Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước là 41.000.000 đ (Bốn mươi một triệu đồng).

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc ông Phan Hữu T phải bồi thường cho Công ty S 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và 2.248.900 đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm đồng) tiền tạm ứng công tác phí tháng 5 năm 2015, tổng cộng là: 37.248.900 đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty S có đơn yêu cầu thi hành án, gửi cơ quan thi hành án, nếu ông Phan Hữu T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng ông Phan Hữu T còn phải trả cho Công ty S số tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng giữa thời gian và khoảng tiền chưa thi hành án.

4/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc ông Phan Hữu T phải xin lỗi Công ty S, công khai trên các báo Bảo hiểm xã hội, Lao động, Người lao động trong 03 số liên tiếp, do cung cấp thông tin sai lệch cho báo chí trong việc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty S. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hữu T phải nộp 1.117.500 đ (Một triệu một trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Công ty S phải nộp 2.871.000 đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng), được khấu trừ 525.000 đ (năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0004395 ngày 21/02/2017 và 956.500 đ (Chín trăm năm mươi sáu

ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0003561 ngày 19/7/2016; Công ty S còn phải nộp thêm 1.389.500 đ (Một triệu ba trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự và biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án.

Trong thời hạn luật định ngày 04/7/2017 nguyên đơn ông Phan Hữu T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo ông Phan Hữu T không nhất T với án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc ông Phan Hữu T phải bồi thường cho Công ty S 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và 2.248.900 đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm đồng) tiền tạm ứng công tác phí tháng 5 năm 2015, tổng cộng là 37.248.900 đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc ông Phan Hữu T phải xin lỗi Công ty S công khai trên các báo Bảo hiểm xã hội, Lao động, Người lao động trong 03 số liên tiếp, do cung cấp thông tin sai lệch cho báo chí trong việc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phan Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S buộc ông Phan Hữu T phải bồi thường cho Công ty S 35.000000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và buộc ông Phan Hữu T phải xin lỗi Công ty S công khai trên các báo Bảo hiểm xã hội, lao động, người lao động trong 03 số liên tiếp, do cung cấp thông tin sai lệch cho báo chí trong việc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty S.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư của nguyên đơn cho rằng:

Ông Phan Hữu T chỉ cung cấp thông tin cho Báo lao động chứ ông không cung cấp thông tin trên các báo khác. Không có cơ sở xác định ông T đã gây thiệt hại cho Công ty. Kể từ ngày báo lao động đăng, hai tháng sau hai bên gặp nhau hòa giải Công ty cũng không có ý kiến gì về việc ông phản ánh trên báo. Mặt khác, mức bồi thường là 10 tháng tiền lương theo mức lương cơ bản theo quy định của pháp luật là 13 triệu đồng. Án sơ thẩm bắt ông T phải bồi thường 35.000000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Công ty S đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty S buộc ông Phan Hữu T phải bồi thường cho Công ty S 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất về tinh thần vì không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của ông Phan Hữu T nằm trong thời hạn luật định nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự luật định.

Về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 03/6/2015 nguyên đơn đã nhận được quyết định nghỉ việc với lý do “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật”.

Ngày 30/5/2016 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lương và số tiền lãi do chậm thanh toán lương. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện việc khởi kiện vụ án đúng thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn là có cơ sở.

Về thời hiệu yêu cầu khởi kiện của bị đơn:

Ngày 13/7/2016 bị đơn có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 43 Bộ luật Lao động bao gồm: Bồi thường nửa tháng tiền lương, bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước như vậy yêu cầu này của bị đơn đã vượt quá 01 năm kể từ ngày biết được quyền và lợi ích của mình bị xâm hại (ngày bị đơn thông báo nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng lao động 19/5/2015) nên đã vượt quá thời hiệu khởi kiện.

Ngày 20/7/2016 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có văn bản kiến nghị áp dụng quy định về thời hiệu. Như vậy, căn cứ vào điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ của bị đơn là có căn cứ.

Ngày 16/12/2016 vì cho rằng nguyên đơn đã cung cấp thông tin không đúng sự thật trên báo chí gây thiệt hại về danh dự, uy tín của bị đơn. Do đó, bị đơn có yêu cầu phản tố bổ sung bao gồm: Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần 10 tháng lương tối thiểu, xin lỗi công khai trên các báo đã đăng thông tin sai sự thật bao gồm Báo Bảo hiểm xã hội, Báo Lao động, Báo Người lao động trong 03 số liên tiếp. Theo thừa nhận của nguyên đơn thì chính nguyên đơn đã cung cấp thông tin trên các báo và các báo đã đăng tin của ông, bao gồm báo điện tử Người lao động ngày 12/10/2015, báo điện tử Lao động ngày 06/10/2015, báo điện tử bảo hiểm xã hội ngày 28/7/2015. Theo Điều 607 Bộ luật dân sự thì “*Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm*”. Như vậy, yêu cầu phản tố này của bị đơn là còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[1] Về yêu cầu thanh toán tiền lương của nguyên đơn và yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán lương:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 trường hợp người sử dụng lao động được khấu trừ tiền lương theo Khoản 1 Điều 101 “*Người sử dụng lao động chỉ được khấu trừ tiền lương của người lao động để bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật này*”. Như vậy, việc bị đơn tự ý khấu trừ tiền lương của người lao động là không có cơ sở pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương cho nguyên đơn là có căn cứ.

Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của pháp luật để tính lãi cho nguyên đơn là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

[2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn phải bồi thường nửa tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, một tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước và tiền tạm ứng công tác phí:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn theo Khoản 3 Điều 150 BLDS năm 2015, cũng như các chứng cứ mà bị đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi bồi thường nửa tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 20.500.000đ, bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 41.000.000đ là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với khoản tiền tạm ứng tiền công tác phí là 2.248.900 đ là tài sản của bị đơn giao cho nguyên đơn sử dụng khi đi làm việc cho bị đơn nhưng nguyên đơn đã nghỉ việc, do đó việc đòi tài sản của bị đơn là không áp dụng thời hiệu.

[3] Về yêu cầu phản tố bồi thường tổn thất về tinh thần, xin lỗi và cải chính công khai trên các báo Bảo hiểm xã hội, báo Lao động và Báo Người lao động:

Theo thừa nhận của hai bên tại phiên tòa thì vào ngày 12/5/2015 nguyên đơn xin nghỉ phép 12 ngày để chăm sóc cho cha bị gãy chân. Theo Khoản 2 Điều 39 BLLĐ năm 2012 thì người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi “*Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý*”. Tuy nhiên, theo lời khai nhận của nguyên đơn thì vào ngày 13/5/2015 vì cần giải quyết một số việc nên nguyên đơn vẫn vào làm việc bình thường, sang ngày 14/5/2015 nguyên đơn nhận được điện thoại của ông Phạm Tấn N yêu cầu nguyên đơn phải nghỉ việc với lý do nguyên đơn xuất hiện tại “*công ty đối thủ cạnh tranh*” (theo bị đơn đó là Công ty R) và điều kiện thời gian là viết đơn đề ngày 13/5/2015, nghỉ việc ngày 14/5/2015, bàn giao công việc ngày 15/5/2015. Do cần chăm sóc cha nên nguyên đơn đã đồng ý viết đơn xin nghỉ việc và bàn giao công việc theo yêu cầu của bị đơn. Như vậy, với việc

làm đơn xin nghỉ việc và bàn giao công việc với người có thẩm quyền của bị đơn, nguyên đơn đã chấm dứt việc nghỉ phép người sử dụng lao động không còn hạn chế trong việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn, và sự kiện còn lại cần giải quyết là việc nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn là đúng pháp luật hay không, qua đó xác định việc nguyên đơn cung cấp thông tin cho các báo là đúng sự thật hay không để giải quyết yêu cầu của bị đơn về bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần của pháp nhân.

Theo các chứng cứ là các bản in trang web Báo Bảo hiểm xã hội, Báo Lao động, Báo Người lao động thì nội dung chính các tiêu đề báo đưa ra là bị đơn đã “gài bẫy” người lao động để buộc người lao động phải nghỉ việc và bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tại phiên tòa ngày 25/5/2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng khẳng định các nội dung nêu trên các báo là đúng sự thật và do chính nguyên đơn đã thông tin cho báo chí. Như vậy, cần tìm hiểu có thật sự bị đơn đã “gài bẫy” nguyên đơn hay không.

Theo nguyên đơn thì việc làm đơn nghỉ việc không phải do ý chí của ông mà là do ông Phạm Tấn N (thừa lệnh của ông J là Giám đốc của Công ty) buộc nguyên đơn phải viết đơn nghỉ việc. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 13/6/2017 người làm chứng là ông Phạm Tấn N trình bày: *“Tại Công văn số 06/2017-CV ngày 02/6/2017 về việc Trả lời xác minh: Ông chưa bao giờ nhận lệnh của ông J buộc ông T phải nghỉ việc và bản thân ông cũng chưa bao giờ yêu cầu ông T phải viết đơn nghỉ việc”*.

Về cung cấp thông tin trên báo chí: Tháng 7 năm 2015 nguyên đơn đã cung cấp thông tin cho báo chí không đúng sự thật xúc phạm tới bị đơn là vi phạm vào Khoản 4 Điều 10 Luật báo chí năm 1989 đã được sửa đổi bổ sung năm 1999. Theo Khoản 1 Điều 28 về xử lý vi phạm của Luật Báo chí thì *“Cơ quan báo chí, công dân thông tin gây thiệt hại cho tổ chức, công dân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự”*.

Theo Khoản 1 Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *“Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”*. Theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì *“Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 10 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường...”*.

Tuy nhiên, trong vụ án này lẽ ra phải đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các cơ quan báo chí gồm: Báo Bảo hiểm xã hội, Báo Lao động, Báo Người lao động vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, phía bị đơn là Công ty không có yêu cầu độc lập phản tố để yêu cầu các cơ quan báo chí bồi thường thiệt hại trong cùng vụ án này với tư

cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng một yêu cầu với nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở đưa các cơ quan báo chí trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết trong cùng một vụ án mà cần tách quan hệ bồi thường thiệt hại giữa Công ty với các cơ quan báo chí và nguyên đơn ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu sau này đương sự có yêu cầu không tự giải quyết được và đề nghị Tòa án giải quyết, như vậy vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về mức bồi thường thiệt hại, đúng là Công ty khi bị phản ánh thông tin sai lệch trên báo chí có thiệt hại đến danh dự, uy tín của Công ty thì người gây thiệt hại phải bồi thường. Trong vụ án này người gây thiệt hại không chỉ có người phản ánh (là ông Phan Hữu T) và người gây thiệt hại là người đăng tải thông tin cũng có lỗi, đáng lẽ khi đăng tin người đăng tải phải kiểm chứng tất cả thông tin mà người phản ánh đã phản ánh nếu đúng là sự thật khách quan mới được đăng tải. Trường hợp này các cơ quan báo chí đã đăng tải ngay khi thông tin chưa được kiểm chứng nên việc bồi thường này các cơ quan báo chí có lỗi và cũng phải bồi thường và chịu trách nhiệm một phần lớn (phần cơ bản) về thiệt hại này. Tuy nhiên, phía Công ty không có yêu cầu khởi kiện với tư cách là yêu cầu độc lập trong vụ án này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đủ căn cứ để giải quyết, do đó cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu sau này có vụ kiện đòi cơ quan báo chí bồi thường.

Về khoản tiền tạm ứng tiền công tác phí là 2.248.900 đ mà nguyên đơn đã nhận của bị đơn, nguyên đơn thống nhất trả lại cho bị đơn số tiền này theo biên bản hòa giải nên được Tòa án ghi nhận.

[7] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 31, điểm đ Khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;

Căn cứ Điều 235 và điểm c Khoản 1 Điều 259, Khoản 2 Điều 299, điểm e Khoản 1 Điều 217, Khoản 4 Điều 60 và Khoản 1 Điều 176 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 39, Khoản 1 và 2 Điều 43, Khoản 2 Điều 47, Điều 96, Khoản 1 Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số nội dung của bộ luật Lao động;

Căn cứ Khoản 3 Điều 150, Khoản 1 Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 4 Điều 10 và Khoản 1 Điều 28 Luật báo chí năm 1989 đã được sửa đổi bổ sung năm 1999;

Căn cứ Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 về quy định lãi suất với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng và Điều 1 Quyết định 2173/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014;

Căn cứ điểm c tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 11, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009);

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Hữu T.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu T, buộc Công ty S phải thanh toán tiền lương tháng 5 năm 2015 là 30.599.452 đ (Ba mươi triệu năm trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng) và số tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương là 3.605.533 đ (Ba triệu sáu trăm lẻ năm ngàn năm trăm ba mươi ba đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Phan Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, gửi cơ quan thi hành án, nếu Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng Công ty S còn phải trả cho ông Phan Hữu T số tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng giữa thời gian và khoảng tiền chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty S về việc yêu cầu ông Phan Hữu T phải bồi thường nửa tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 20.500.000 đ (Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước là 41.000.000 đ (Bốn mươi một triệu đồng).

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc ông Phan Hữu T phải bồi thường cho Công ty S tiền tạm ứng công tác phí tháng 5 năm 2015 là 2.248.900 đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Tách các quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bồi thường vật chất, bồi thường danh dự uy tín giữa Công ty S với ông Phan Hữu T và các cơ quan Báo chí gồm Báo Lao động, Báo Bảo hiểm và Báo Người lao động ra giải

quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự, nếu không tự thỏa thuận giải quyết được, sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hữu T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Công ty S phải nộp 1.026.149 (Một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí; được khấu trừ 525.000 đ (Năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0004395 ngày 21/02/2017 và 956.500đ (Chín trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0003561 ngày 19/7/2016; Công ty S được hoàn lại là 455.351 đ (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi một đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTP.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận G (2);
- Chi cục THADân sự Quận G (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu (10). (25b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân